



Số: **006468/VYTCC**



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05211.20



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : KEM SÔCÔLA HẠNH NHÂN-DELIGHT
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 que x 80 g
Ngày nhận mẫu : 27/03/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d)	< 10 CFU /g	30/03/2020
2	Salmonella spp.	HD.PP.10.02/TT.VS (AOAC 967.27) (b) (d)	Không phát hiện /25g	30/03/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-04-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **006418**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05207.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM SÔCÔLA HẠNH NHÂN-DELIGHT
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 27/03/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	31/03/2020
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	31/03/2020
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	31/03/2020
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	31/03/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-04-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **006420** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05204.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM SÔCÔLA HẠNH NHÂN-DELIGHT
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 cây x 80 g
Ngày nhận mẫu : 27/03/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	01/04/2020
2	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	06/04/2020
3	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	06/04/2020
4	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	06/04/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-04-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **006466** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05213.20



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : KEM SÔCÔLA HẠNH NHÂN-DELIGHT
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 05 que x 80 g
Ngày nhận mẫu : 27/03/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	31/03/2020
2	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	31/03/2020
3	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	31/03/2020
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	05/04/2020
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	31/03/2020
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	03/04/2020
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	06/04/2020
8	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	31/03/2020
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	05/04/2020
10	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	31/03/2020

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
11	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	05/04/2020
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	31/03/2020
13	Clortetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	01/04/2020
14	Oxytetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	01/04/2020
15	Tetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	01/04/2020
16	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	04/04/2020
17	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	04/04/2020
18	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	04/04/2020
19	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	31/03/2020
20	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	31/03/2020
21	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	31/03/2020
22	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	04/04/2020
23	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	31/03/2020
24	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	04/04/2020
25	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	31/03/2020
26	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	31/03/2020
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	04/04/2020
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	04/04/2020



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	05/04/2020
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	05/04/2020
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	05/04/2020
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	05/04/2020
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	31/03/2020
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	04/04/2020
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	05/04/2020
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	05/04/2020
37	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	31/03/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-04-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh





Số: **007386** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05212.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : KEM SÔCÔLA HẠNH NHÂN-DELIGHT
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 05 que x 80 g
Ngày nhận mẫu : 27/03/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	31/03/2020
2	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	31/03/2020
3	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	31/03/2020
4	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	31/03/2020
5	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	31/03/2020
6	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	31/03/2020
7	Acetamiprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/04/2020
8	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	31/03/2020
9	Azoxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
10	Boscalid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,015 mg/kg	02/04/2020
11	Chlorantraniliprole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	02/04/2020

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Cyflumetofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
13	Cyhalothrin (bao gồm Lambda-Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	31/03/2020
14	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	31/03/2020
15	Emamectin benzoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	04/04/2020
16	Etoxazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
17	Flubendiamide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	02/04/2020
18	Fluopyram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/04/2020
19	Hexythiazox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/04/2020
20	Methyl bromide	HD.PP.154/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2020
21	Penthiopyrad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/04/2020
22	Phosmet	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	02/04/2020
23	Pyrethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	02/04/2020
24	Saflufenacil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
25	Spinetoram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
26	Spirodiclofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	31/03/2020
27	Spirotetramate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	02/04/2020
28	2,4-D (Dichlorophenoxy)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
29	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	02/04/2020
30	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	02/04/2020
31	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	02/04/2020
32	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	02/04/2020
33	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
34	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2020
35	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/04/2020
36	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/04/2020
37	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	02/04/2020

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	30/03/2020
39	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	02/04/2020
40	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	02/04/2020
41	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	02/04/2020
42	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	02/04/2020
43	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/04/2020
44	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	02/04/2020
45	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	02/04/2020
46	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	31/03/2020
47	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	02/04/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 006467/VYTCC ban hành ngày 09/04/2020 về việc điều chỉnh MLOD của chỉ tiêu Spirodiclofen.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **23-04-2020**



TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Th.s Phan Bích Hà